

THÔNG BÁO

**Quy tắc quy đổi điểm xét tuyển giữa các phương thức xét tuyển
hệ đại học chính quy năm 2026**

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng Giáo dục mầm non năm 2026;

Căn cứ Công văn số 4228/BGDĐT-GDĐH ngày 06/07/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2026, điểm học tập bậc trung học phổ thông;

Căn cứ Thông báo số 299/TB-ĐTSKT ngày 02/07/2026 của Viện đào tạo số và khảo thí - Đại học quốc gia Hà Nội về Phân vị tương đương giữa điểm thi đánh giá năng lực (HSA) và tổ hợp điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 896/TB-ĐHSPHN ngày 03/07/2026 về quy đổi điểm xét tuyển năm 2026 của trường Đại học sư phạm Hà Nội;

Trường Đại học y khoa Tokyo Việt Nam công bố Quy tắc quy đổi điểm xét tuyển giữa các phương thức xét tuyển hệ đại học chính quy năm 2026 như sau:

1. Quy đổi giữa Điểm học bạ THPT với Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Khoảng điểm	Điểm tổ hợp học bạ THPT	Điểm tổ hợp TN THPT 2026
Khoảng 1	29,50 – 30,00	28,26 – 30,00
Khoảng 2	29,00 – 29,49	27,31 – 28,25
Khoảng 3	28,50 – 28,99	26,41 – 27,30
Khoảng 4	28,00 – 28,49	25,61 – 26,40
Khoảng 5	27,50 – 27,99	24,81 – 25,60
Khoảng 6	27,00 – 27,49	24,01 – 24,80
Khoảng 7	26,50 – 26,99	23,21 – 24,00
Khoảng 8	26,00 – 26,49	22,51 – 23,20
Khoảng 9	25,50 – 25,99	21,81 – 22,50
Khoảng 10	25,00 – 25,49	21,11 – 21,80

Khoảng điểm	Điểm tổ hợp học bạ THPT	Điểm tổ hợp TN THPT 2026
Khoảng 11	24,50 – 24,99	20,51 – 21,10
Khoảng 12	24,00 – 24,49	19,91 – 20,50
Khoảng 13	23,50 – 23,99	19,31 – 19,90
Khoảng 14	23,00 – 23,49	18,81 – 19,30
Khoảng 15	22,50 – 22,99	18,31 – 18,80
Khoảng 16	22,00 – 22,49	17,81 – 18,30
Khoảng 17	21,50 – 21,99	17,31 – 17,80
Khoảng 18	21,00 – 21,49	16,81 – 17,30
Khoảng 19	20,50 – 20,99	16,41 – 16,80
Khoảng 20	20,00 – 20,49	15,91 – 16,40
Khoảng 21	19,50 – 19,99	15,00 – 15,90

Lưu ý: Với phương thức xét tuyển theo kết quả học bạ THPT, mức quy đổi các tổ hợp xét tuyển khác nhau được áp dụng chung ở bảng trên.

2. Quy đổi giữa Điểm thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia Hà Nội (HSA) với Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

STT	Điểm tổ hợp HSA	Điểm tổ hợp TN THPT 2026
1	≥ 130	30,00
2	129	29,98
3	128	29,77
4	127	29,75
5	126	29,73
6	125	29,51
7	124	29,49
8	123	29,27
9	122	29,25
10	121	29,23
11	120	29,01
12	119	28,98
13	118	28,75
14	117	28,51

STT	Điểm HSA	Điểm tổ hợp TN THPT 2026
29	102	26,26
30	101	26,02
31	100	26,00
32	99	25,77
33	98	25,73
34	97	25,50
35	96	25,35
36	95	25,25
37	94	25,02
38	93	24,99
39	92	24,76
40	91	24,62
41	90	24,49
42	89	24,26

DỤC
TR
ẠI HỌ
T
VIỆT

STT	Điểm tổ hợp HSA	Điểm tổ hợp TN THPT 2026	STT	Điểm HSA	Điểm tổ hợp TN THPT 2026
15	116	28,48	43	88	24,11
16	115	28,26	44	87	23,99
17	114	28,23	45	86	23,77
18	113	28,00	46	85	23,62
19	112	27,77	47	84	23,50
20	111	27,74	48	83	23,27
21	110	27,51	49	82	22,98
22	109	27,48	50	81	22,98
23	108	27,24	51	80	22,75
24	107	27,01	52	79	22,51
25	106	26,98	53	78	22,33
26	105	26,75	54	77	22,11
27	104	26,52	55	76	21,98
28	103	26,49	56	75	20,73

Lưu ý: Với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, điểm quy đổi không phân biệt độ lệch điểm giữa các tổ hợp.

3. Quy đổi giữa Điểm bài thi đánh giá năng lực của Trường Đại học sư phạm Hà Nội (SPT) với Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

STT	Điểm tổ hợp SPT							Điểm tổ hợp TN THPT 2026
	A00	A01	A02	B00	B08	D07	X26	
1	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00	30,00
2	25,75	27,25	28,50	24,38	29,07	27,13	29,05	29,50
3	25,25	26,98	27,00	23,75	28,13	24,25	28,11	29,00
4	24,50	26,10	25,50	23,00	27,20	24,23	27,16	28,50
5	24,00	25,20	24,38	22,50	26,27	24,20	26,21	28,00
6	23,00	24,78	23,75	21,50	25,33	23,67	25,26	27,50
7	22,25	24,03	22,88	20,88	24,40	23,13	24,32	27,00
8	21,50	23,45	22,38	20,25	23,47	22,60	23,37	26,50
9	20,75	22,90	21,75	19,50	22,35	21,73	22,42	26,00

V
ÔNG
Y KH
YO
NAM

10/10

STT	Điểm tổ hợp SPT							Điểm tổ hợp TN THPT 2026
	A00	A01	A02	B00	B08	D07	X26	
10	20,00	22,25	21,13	18,75	20,75	21,15	21,60	25,50
11	19,25	21,60	20,00	18,00	20,42	20,88	20,55	25,00
12	18,50	21,05	19,50	17,34	20,05	20,50	20,15	24,50
13	17,75	20,40	19,00	16,50	19,50	19,80	19,80	24,00
14	17,10	19,90	18,50	16,00	19,05	18,95	18,75	23,50
15	16,00	19,05	17,97	-	18,47	18,28	18,23	22,75
16	-	18,20	17,25	-	17,20	17,20	17,20	22,00
17	-	17,60	16,75	-	16,85	16,75	16,00	21,30
18	-	16,85	16,00	-	16,00	16,00	-	20,75
19	-	16,00	-	-	-	-	-	19,90

Lưu ý: Với phương thức xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, các điểm tổ hợp xét tuyển không có trong bảng trên được áp dụng mức quy đổi giữa điểm tổ hợp B00 trong kỳ thi SPT với điểm tổ hợp thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Nơi nhận:

Ban giám hiệu;

Đăng công khai website;

Lưu: văn phòng.



TS. KUSUMI MARI